

Bản án số: 116/2022/DS-PT

Ngày 10-8-2022

*V/v tranh chấp đòi bồi thường
thiệt hại tài sản và tinh thần*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;
Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại tài sản và tinh thần*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn S: Luật sư Phạm Minh T, Văn Phòng luật sư Phạm Văn H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Bà Phạm Quỳnh N (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Quang D (có mặt);

Cùng địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Quỳnh N: Ông Nguyễn Quang D. Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 09/8/2022 - có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị S (vắng mặt). Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Trần Văn S (có mặt)

Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020).

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Trần Văn S trình bày:***

Nguyên vào ngày 02/9/2014 vợ chồng ông D và bà N có thỏa thuận cho ông thuê một căn nhà là cơ sở karaoke cũ của vợ chồng ông D. Thời hạn thuê là 03 năm, giá thuê mỗi tháng là 13.000.000đồng, khi ký hợp đồng chính thức sẽ giảm lại. Do cơ sở đã quá cũ hư hỏng khoảng 50% nên về ông có tu bổ sửa chữa, mua sắm các khoản sau:

- Sơn toàn bộ diện tích 06 phòng karaoke; làm ống thải thoát nước số tiền là 8.825.000đồng; thuê công thợ 7.000.000đồng; thuê làm hộp đèn bảng hiệu 7.385.000đồng; mua micro; dây điện; bóng đèn, đĩa hát 13.450.000đồng;

Do lúc đầu kinh doanh chưa được thuận lợi nên ông thanh toán tiền thuê nhà không đầy đủ. Vào ngày 18/11/2015 bà N gọi ông qua nhà và báo số tiền thuê ông còn nợ là 137.000.000đồng và yêu cầu thanh toán đủ. Ông có yêu cầu bà N cho ông tiếp tục kinh doanh thêm 02 tháng nữa để ông thu hồi nợ và ông sẽ thanh toán đủ tiền thuê nhà. Bà N nói nếu 02 tháng không thanh toán đủ thì tính lãi 2%/tháng, ông đồng ý và bà N buộc ông ký giấy nhận nợ tiền thuê nhà. Nhưng sau khi viết biên nhận nợ thì 04 ngày sau (ngày 22/11/2015 ông D cho người đến tháo toàn bộ dàn máy lạnh ở các phòng karaoke, ông không còn kinh doanh được, việc ông D và bà N lấy nhà cho thuê trước thời hạn thỏa thuận là không đúng quy định. Làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông hàng trăm triệu đồng. Sau đó, ngày 02/9/2016 và 30/12/2016 ông có gửi trả cho ông D, bà N 15.000.000đồng, ông D có hứa sẽ thỏa thuận giải quyết phần nợ này.

Vào ngày 14/12/2017 đến ngày 15/8/2018 vợ chồng ông D thuê người lạ ban đêm đến đập phá nhà cửa, gây rối, đe dọa hành hung xâm phạm tính mạng của gia đình ông, yêu cầu ông phải trả cho vợ chồng ông D số tiền 244.770.000đồng, sự việc ông có báo công an phường 1 lập biên bản.

Từ ngày 14/12/2017 đến ngày 15/8/2018 vợ chồng ông D thuê người lạ gây rối, đe dọa tính mạng gia đình ông 7-8 lần, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy

tín và việc làm ăn của ông, danh dự nhân phẩm, làm ăn thất thoát giảm sút nghiêm trọng. Việc ông yêu cầu bồi thường cũng đã được Tòa án cấp phúc thẩm dành quyền khởi kiện cho ông.

Tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Phạm Quỳnh N hoàn trả và bồi thường cho gia đình ông các khoản sau:

- Sơn (lấn bê) toàn bộ diện tích 06 phòng kakaoke; làm ống thải thoát nước số tiền là 6.825.000đồng; thuê công thợ 7.000.000đồng; thuê làm hộp đèn bảng hiệu 7.385.000đồng; mua micro, dây điện, bóng đèn, đĩa hát 13.450.000đồng; sửa dàn máy lạnh 8.500.000đồng; thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút (không dám đi làm ruộng, chăn nuôi, quán cà phê khách không dám đến uống) mỗi tháng 6.000.000đồng, thời gian 08 tháng (từ ngày 14/12/2017 đến 15/8/2018) với số tiền là 48.000.000đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần của ông và vợ ông, mức bồi thường 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định $(1.350.000\text{đồng} \times 10 \times 2) = 27.000.000\text{đồng}$. Tổng cộng: 118.160.000đồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị đơn là ông Phan Đăng H trình bày:***

Ông S cho rằng ông D, bà N đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà kinh doanh kakaoke từ tháng 12/2015, tuy nhiên thời hiệu khởi kiện để yêu cầu bồi thường là 03 năm tức đến khoảng 12/2018 nhưng trong thời gian này ông S không khởi kiện mà đến tháng 5/2019 mới khởi kiện là hết thời hiệu. Trước đây ông S và vợ chồng ông D, bà N thỏa thuận thuê nhà chỉ bằng lời nói không có bằng văn bản. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S cho rằng chỉ có đầu tư bảng hiệu ngoài ra không có gì và cái bảng này ông S cũng đã mang về, phía bị đơn không có thỏa thuận việc phải hoàn trả tiền đầu tư cho phía ông S. Còn việc ông S cho rằng ông D cho người đến tháo dỡ nhà, đe dọa, hành hung ông S và gia đình ông S là không có, hơn nữa ông S cho rằng có thỏa thuận thuê thêm 02 tháng là cũng không có thỏa thuận này, vì trước đó đã 08 tháng ông S không có kinh doanh thì cơ sở vật chất đã không còn gì thì việc cho rằng thuê thêm 02 tháng là không phù hợp. Ông S đã không còn kinh doanh cơ sở kakaoke nữa thì việc ông yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập là không có cơ sở. Theo như trước đây Tòa án hai cấp đã xét xử phía bị đơn không có vi phạm hợp đồng nên không phát sinh việc bồi thường thiệt hại. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử: Về thủ tục tố tụng: Đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đình chỉ giải quyết vụ án. Về nội dung đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 584 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang D, bà Phạm Quỳnh N bồi thường số tiền 118.160.000đồng (Một trăm mười tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/05/2022, nguyên đơn ông Trần Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn S không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Phạm Minh Thủ trình bày:

Việc vợ chồng ông D, bà N thừa nhận có thỏa thuận cho ông S thuê nhà đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi lấy lại nhà thì phía bị đơn không báo trước là vi phạm thời hạn báo trước gây thiệt hại cho ông S nên việc ông S yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ chấp nhận, hơn nữa việc ông S được quyền yêu cầu bồi thường thì cũng đã được Tòa án cấp phúc thẩm dành quyền khởi kiện cho ông S. Đối với yêu cầu bồi thường do mất thu nhập, tổn thất tinh thần thì do xuất phát từ việc phía vợ chồng ông D, bà N cho thuê nhà, sau khi phía ông S có chậm trễ trong việc thanh toán tiền nhà mà ông D cho người đến tháo dỡ các vật dụng ông S đầu tư vào quán kinh doanh, cho người đến đe dọa, gây rối làm cho vợ chồng ông S không kinh doanh mua bán quán cà phê được và tinh thần bị hoảng loạn. Việc ông D cho người đến gây rối thì ông S có trình báo và công an phường 1 cũng đã xác nhận thụ lý vụ việc. Vì vậy, việc ông S yêu cầu bồi thường là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu buộc vợ chồng ông D, bà N bồi thường thiệt hại, mất thu nhập và tổn thất tinh thần nguyên đơn các khoản như nguyên đơn đã yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn S và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn S là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Quỳnh N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị S vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn ông Trần Văn S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang D và bà Phạm Quỳnh N hoàn trả và bồi thường cho gia đình ông các khoản như:

[3.1] Sơn (lăn bê) toàn bộ diện tích 06 phòng karaoke, làm ống thải thoát nước số tiền là 6.825.000đồng; Thuê công thợ 7.000.000đồng; Thuê làm hộp đèn bảng hiệu 7.385.000đồng; Sửa dàn máy lạnh 8.500.000đồng; Mua micro, dây điện, bóng đèn, đĩa hát 13.450.000đồng. Tổng cộng 43.160.000đồng.

[3.2] Thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút (không dám đi làm ruộng, chăn nuôi, quán cà phê khách không dám đến uống) mỗi tháng 6.000.000đồng, thời gian 08 tháng với số tiền là 48.000.000đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần của ông và vợ ông, mức bồi thường 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định $(1.350.000đ \times 10 \times 2) = 27.000.000đ$ ồng. Tổng cộng là 75.000.000đồng.

[3.3] Tổng cộng các khoản: 118.160.000đồng.

[4] Ông Phan Đăng H là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông D và bà N cho rằng thời hiệu khởi kiện để yêu cầu bồi thường là 03 năm nhưng đến tháng 5/2019 mới khởi kiện là hết thời hiệu. Đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đình chỉ giải quyết vụ án. Về nội dung đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Đối với kháng cáo của ông Trần Văn S cho rằng bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N việc thu thập, xem xét, đánh giá chứng cứ sơ xài, theo nhận thức chủ quan; thu thập chứng cứ không đầy đủ, xem xét đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, toàn diện đưa ra phán quyết bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng pháp luật, thiếu công bằng, không thuyết phục, gây thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bởi các lý do sau: Việc yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà, lấy lại nhà cho thuê trước thời hạn thỏa thuận và không thông báo cho nguyên đơn biết

trước; về yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập; về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn hoàn trả và bồi thường cho gia đình ông các khoản: Sơn (lăn bê) toàn bộ diện tích 06 phòng karaoke, làm ống thải thoát nước số tiền là 6.825.000đồng; thuê công thợ 7.000.000đồng; thuê làm hộp đèn bảng hiệu 7.385.000đồng; sửa dàn máy lạnh 8.500.000đồng; mua micro, dây điện, bóng đèn, đĩa hát 13.450.000đồng thì thấy rằng:

[6.1] Tại bản án dân sự phúc thẩm số 40/2019/DS-PT, ngày 21-03-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà”, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Quang D, bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Quỳnh N. Tại phần nhận định của Tòa án ở trang 4 như sau:

[6.1] Tại mục [2] đã nhận định, ngày 02/9/2014 ông D có thỏa thuận miệng với ông S về việc ông D cho ông S thuê nhà tọa lạc khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để kinh doanh karaoke. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S còn thiếu ông D 10 tháng không thanh toán tiền thuê nhà, nên đến ngày 18/11/2015 ông S ký nhận nợ tiền thuê nhà là 137.000.000đồng và ông S đồng ý chịu lãi suất 2%/tháng nếu quá hai tháng không trả đủ tiền, hai bên chưa thanh toán hợp đồng. Sau đó ông S trả cho ông D được hai lần là 15.000.000đồng, hiện còn thiếu 122.000.000 đồng. Đây là sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì các đương sự đều thừa nhận.

[6.2] Tại mục [3]..., Cấp phúc thẩm xác định hợp đồng thuê nhà giữa ông D và ông S thuộc trường hợp không xác định thời hạn thuê nhà.

Khi ông S không thực hiện trả tiền thuê nhà, ông D đã lấy lại nhà, tức là ông D có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà tại điểm a khoản 1 Điều 498 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “...1. Bên cho thuê nhà có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà khi bên thuê có một trong các hành vi sau đây: a. không trả tiền thuê nhà liên tiếp trong ba tháng trở lên mà không có lý do chính đáng...”. Do đó, ông D có quyền đòi lại tiền thuê nhà còn thiếu là 122.000.000đồng và lãi suất là phù hợp khoản 1 Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2005.

[6.3] Theo nhận định trên thì có chứng cứ chứng minh là trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S thiếu tiền thuê nhà của ông D 10 tháng, nên án phúc thẩm xác định đây là trường hợp không xác định thời hạn thuê nhà. Do ông S không thực hiện trả tiền thuê nhà, ông D có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 498 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, trong vụ án này ông S là người vi phạm hợp đồng thuê nhà.

[7] Từ những phân tích tại mục [6] nêu trên, ông S cho rằng bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà, lấy lại nhà cho thuê trước thời hạn thỏa thuận và không thông báo cho nguyên đơn biết trước là không có căn cứ chấp nhận, nên kháng cáo của ông S phần này không được chấp nhận.

[8] Ông S kháng cáo cho rằng sau khi nhận nhà và phòng karaoke thì ông S có Sơn (lấn bê) toàn bộ diện tích 06 phòng karaoke, làm ống thải thoát nước số tiền là 6.825.000đồng, thuê công thợ 7.000.000đồng, thuê làm hộp đèn bảng hiệu 7.385.000đồng; Sửa dàn máy lạnh 8.500.000đồng; mua micro, dây điện, bóng đèn, đĩa hát 13.450.000đồng và yêu cầu ông D, bà N trả lại số tiền tổng cộng 43.160.000đồng. **Xét thấy**, theo quy định tại khoản 3 Điều 487 Bộ luật dân sự 2005 quy định “ Bên thuê có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên cho thuê đồng ý và có quyền yêu cầu bên cho thuê thanh toán chi phí hợp lý”. Tại tòa, ông S cho rằng ông có tu sửa, mua sắm thêm tài sản trên và có sự đồng ý của ông D. Phía bên ông D cho rằng việc ông S tu sửa, mua sắm thêm tài sản thì không có thông báo cho ông biết và tài sản ông S mua thì ông S đã lấy đem về, nên ông S yêu cầu ông trả lại số tiền 43.160.000 đồng thì ông không đồng ý. Việc ông S yêu cầu ông D bồi thường và hoàn trả số tiền trên nhưng ông S không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc ông D có đồng ý cho ông tu sửa và cũng không chứng minh được việc ông D còn giữ tài sản của ông S. Do đó, kháng cáo của ông S phần này không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Kháng cáo của ông S cho rằng từ ngày 14/12/2017 đến ngày 15/8/2018, vợ chồng ông D thuê người lạ đến đập phá nhà cửa, gây rối, đe dọa, hành hung xâm phạm sức khỏe, tính mạng gia đình ông 7 đến 8 lần để yêu cầu ông phải trả cho ông D số tiền 244.770.000đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và việc làm, danh dự, nhân phẩm, làm ăn thất thoát giảm sút nghiêm trọng, sự việc trên ông có báo với Công an phường 1 là ông Đỗ Văn Đ và bà con cùng khóm biết như ông Lâm Đình L, ông Trần Văn L2 biết. Nay ông S yêu cầu vợ chồng ông D bồi thường cho gia đình ông các khoản: Thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút (không dám đi làm ruộng, chăn nuôi, quán cà phê khách không dám đến uống) mỗi tháng 6.000.000đồng x 08 tháng (từ ngày 14/12/2017 đến 15/8/2018)= 48.000.000đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần của ông và vợ ông, mức bồi thường 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (1.350.000đồng x 10 x 2) = 27.000.000đồng. Tổng hai khoản là 75.000.000đồng. Xét thấy:

[9.1] Đối với yêu cầu tiền mất thu nhập và yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của ông và vợ ông với tổng số tiền 75.000.000 đồng, ông S cho rằng vợ chồng ông D cho người đến đòi nợ nên vợ chồng ông không kinh doanh mua bán được thời gian là 08 tháng (từ ngày 14/12/2017 đến 15/8/2018), để chứng minh cho yêu cầu này thì ngoài lời trình bày ra ông S có cung cấp một số giấy tờ có xác nhận của công an phường 1 và hai người làm chứng thì thấy rằng, tại các biên bản xác minh ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thì ông Đ đã cung cấp “ ông chỉ xác nhận theo lời trình bày của ông S, có trình báo chính quyền địa phương về việc có 02 đối tượng B và D2 được vợ chồng ông D ủy quyền đòi tiền thay, giấy ủy quyền viết tay, sau đó có cử cán bộ xuống xác minh vụ việc thì không có việc hành hung, đập phá tài sản của ông S, nên có mời hai đối tượng lên làm việc và cho cam kết là không vi phạm đối với ông S; còn đơn ngày 02/5/2019 thì chỉ xác nhận ông S có trình báo, còn nội dung cụ thể

như thế nào thì ông không rõ; các biên bản làm việc do không xử phạt vi phạm hành chính, nên hồ sơ không lưu giữ và bị thất lạc. Ngoài ra, ông S có điện thoại báo với Công an phường 1 nhiều lần cho rằng các đối tượng xuống đòi nợ, Công an cử cán bộ xuống xác minh nhưng không thấy người đến đòi nợ và không có xảy ra thiệt hại”. Tại biên bản xác minh cùng ngày 21/7/2022 thì các ông Lâm Đình L và ông Trần Văn L2 đều cung cấp: “ Hai ông không nhớ thời gian nào, hai ông có chứng kiến việc có hai người đến nhà ông S đòi nợ bình thường, sau đó thì giữa hai bên cãi vã, không có xô xát, còn việc có hành vi đe dọa đến sức khỏe, tính mạng thì không có và sự việc xảy ra khoảng 50 phút thì kết thúc, sau sự việc này thì hai ông không thấy và không có chứng kiến”.

[9.2] Ông S yêu cầu Tòa án xác minh ông Đ, ông L và ông L2 thì họ khẳng định gia đình ông S có người đến đòi nợ, giữa hai bên có cãi vã, không có xô xát, không có việc hành vi đe dọa đến sức khỏe, tính mạng và sau đó Công an có mời hai đối tượng lên làm việc và họ đã có cam kết không vi phạm đối với gia đình ông S và phía ông S không có cung cấp thêm chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình về tiền thu nhập bị mất trong thời gian 08 tháng là 48.000.000đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần của ông và vợ ông là 27.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu của ông S là có căn cứ, nên kháng cáo của ông S phần này không được chấp nhận.

[10] Từ những phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn S cũng như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn ông Trần Văn S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 584 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang D, bà Phạm Quỳnh N bồi thường số tiền 118.160.000đồng (Một trăm mười tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu 5.908.000đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí của ông S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp là 2.279.000đồng theo Biên lai thu số 0007079 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Như vậy ông S còn phải nộp 3.629.000đồng tiền án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu số 0002624 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông S đã nộp xong.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Phụng

